

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật điện trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật điện trình độ đại học cho Trường Đại học Nha Trang theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Nha Trang;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đường**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**QUẢN LÝ VÀ CHĂM SÓC NHÀ TRƯỞNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	3			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	5			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 10.1	4	4,00	6	100
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 11.1	4	3,60	3	60
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	3			
Tiêu chí 11.4	3			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,92	45	90,00



**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

### I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định ở Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng bao gồm các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Quá trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan. Chuẩn đầu ra đã phản ánh được các yêu cầu từ nhiều phía đối với người học tốt nghiệp CTĐT và được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử của Khoa và Nhà trường.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được bổ sung, cải tiến và cập nhật những vấn đề mới, thay đổi về các học phần đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế kỹ thuật số, phù hợp với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Đề cương các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin, được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo quy định, hướng dẫn của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và tất cả đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách tương đối thuận lợi.

3. Chương trình dạy học được thiết kế theo các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định trong các đề cương học phần theo từng chủ đề của học phần nhằm đạt được các chuẩn đầu ra cụ thể của học phần. Các học phần trong CTĐT được thiết kế theo chuỗi với mức độ kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm tăng dần, phân bố học kỳ theo thứ tự hợp lý với các quy định học phần tiên quyết nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT. Các học phần trong CTĐT đã xác định rõ các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương đối phù hợp nhằm đạt được các chuẩn đầu ra cụ thể của học phần và CTĐT. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật theo các quy định và kế hoạch của Nhà trường. chương trình dạy học khi điều chỉnh có tham khảo các CTĐT của một số trường ở trong và ngoài nước để đảm bảo khả năng linh hoạt và tính tích hợp.

4. Nhà trường đã ban hành chính thức triết lý giáo dục và mục tiêu giáo



dục, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và được phổ biến tới các bên liên quan; được cán bộ, giảng viên, người học hiểu và vận dụng vào việc giảng dạy, học tập và hỗ trợ giảng dạy. Khoa/Bộ môn và giảng viên đã xây dựng các hoạt động, phương pháp giảng dạy đa dạng phù hợp; vận dụng các phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, hướng dẫn người học sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập chủ động nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Giảng viên và người học hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Các đề cương chi tiết học phần trong chương trình dạy học mô tả khá rõ các phương pháp giảng dạy theo nội dung từng bài học giúp người học hình thành và phát triển kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các thông tin chi tiết của đề cương chi tiết học phần được cung cấp giúp người học chủ động xây dựng các kế hoạch cá nhân để hoàn thành nội dung học phần và nâng cao năng lực tự học hướng đến nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Khoa và Nhà trường đã xây dựng các quy trình, kế hoạch rõ ràng cho việc đánh giá kết quả của người học. Nhà trường đã xây dựng nhiều tài liệu hướng dẫn giảng viên thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế chú ý sự tương thích với mức độ đạt được chuẩn đầu ra và phù hợp với quy định cụ thể của nhà trường. Các quy định, quy trình của Nhà trường đã thể hiện đầy đủ những hướng dẫn, yêu cầu rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học. Các quy định về đánh giá kết quả học tập, phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá và khiếu nại kết quả học tập được công bố công khai và phổ biến tới người học bằng nhiều hình thức. Trong giai đoạn khảo sát chưa ghi nhận trường hợp phúc khảo đối với ngành Kỹ thuật điện.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT được quy hoạch, phát triển dựa trên chiến lược phát triển Trường trong các giai đoạn, đề án vị trí việc làm, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên mạnh, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ cao. Tỷ lệ người học/giảng viên trong các năm học đảm bảo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường. Năng lực giảng dạy của giảng viên, nghiên cứu viên được người học đánh giá cao. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường, của Khoa và nhu cầu phát triển của cá nhân giảng viên, nghiên cứu viên. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, triển khai thực hiện. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc được Khoa thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc; sản phẩm; chỉ tiêu đo lường; thời hạn hoàn thành; đơn vị thực hiện. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, rõ ràng. Kết quả đánh giá về số lượng, chất lượng



các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát từ Bộ môn, Khoa và các phòng ban liên quan.

7. Đội ngũ nhân viên được phát triển theo chiến lược phát triển và quy hoạch nhân lực của Trường trong từng giai đoạn. Chính sách tuyển dụng phù hợp đảm bảo về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Trường có đủ các văn bản quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, được cập nhật hằng năm; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. Quy trình, công cụ, tiêu chí và các biểu mẫu về đánh giá, xếp loại năng lực đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, lập các kế hoạch và triển khai việc đào tạo bồi dưỡng hằng năm cho đội ngũ nhân viên toàn Trường được phân tích từ nhu cầu Trường, đơn vị và từng cá nhân. Kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên đảm bảo, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của nhân viên được quy định rõ ràng. Hoạt động giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên kết quả công việc.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Các quy định về việc giám sát sự tiến bộ của người học cơ bản đầy đủ, rõ ràng; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học; triển khai được nhiều hoạt động rèn luyện kỹ năng và tư vấn việc làm cho người học. Môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học. Khuôn viên Nhà trường rộng rãi với nhiều cây xanh, cây cảnh, đường hoa, môi trường sư phạm sạch sẽ, có “Không gian học tập mở” đẹp, đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của người học. Việc kiểm tra các điều kiện an toàn được thực hiện thường xuyên.

9. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện có diện tích rộng, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện; có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (KIPOS). Tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của CTĐT. Hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị và vật liệu đáp ứng với giảng dạy và thực hành cho sinh viên. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập và triển khai thực hiện tốt.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho



rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Giảng viên của Khoa/Bộ môn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học; trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp ngừng học, tỷ lệ thôi học đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, phân tích kỹ hơn sự kết nối, phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Nhà trường theo từng nội dung cụ thể để điều chỉnh mục tiêu CTĐT, thể hiện rõ hơn tính chuyên biệt, định hướng riêng của Nhà trường; tăng cường khảo sát, lấy ý kiến để thu nhận được nhiều hơn các góp ý cho việc điều chỉnh, cải tiến mục tiêu CTĐT; phân định cấu trúc chuẩn đầu ra của CTĐT theo các nhóm yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để xây dựng các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra; thực hiện định kỳ việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT ít nhất 02 năm một lần theo đúng kế hoạch.

2. Phân loại, chuẩn hóa bản mô tả CTĐT và đề cương học phần các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; rà soát, điều chỉnh các đề cương và đề cương chi tiết học phần để xác định rõ ràng các mức chuẩn đầu ra theo thang đánh giá chuẩn về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm nhằm hướng đến giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; xây dựng các phiếu khảo sát, tổ chức các hội thảo, trao đổi chuyên đề để có thể lấy được những ý kiến góp ý sâu về các học phần từ các bên liên quan, nhất là với những học phần có vai trò trọng tâm trong CTĐT; bổ sung câu hỏi khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về sự thuận tiện, các hình thức cần có để công bố bản mô tả CTĐT và đề cương học phần nhằm cải tiến hơn nữa quá trình minh bạch hoá CTĐT.



3. Bổ sung thêm các học phần tự chọn, phân nhóm các học phần theo các lĩnh vực chuyên sâu trong ngành Kỹ thuật điện để tạo điều kiện cho người học lựa chọn, tiếp cận những xu hướng mới trong lĩnh vực Điện - Điện tử; rà soát việc xây dựng các ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đảm bảo thể hiện chính xác sự đóng góp của học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường khảo sát và thu nhận ý kiến đóng góp từ nhà sử dụng lao động để bổ sung, cải tiến nội dung các học phần trong CTĐT; xây dựng quy định về việc lựa chọn, đối sánh với các CTĐT; lựa chọn thêm một số CTĐT để tham khảo đồng thời có những thảo luận, phân tích sâu trong việc đối sánh với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước để giúp cho quá trình phát triển chương trình dạy học của ngành Kỹ thuật điện; xây dựng phần mềm giúp triển khai việc rà soát, cập nhật đề cương chi tiết học phần được thuận lợi hơn.

4. Đa dạng hoá các phương thức phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục giúp giảng viên, người học hiểu và vận dụng vào hoạt động giảng dạy và học tập; tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất để phục vụ các học phần thực hành; tăng thêm thời gian để sinh viên được trải nghiệm, thực tập nhiều hơn ở các cơ sở sản xuất; tăng cường kết nối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất bên ngoài để mời thêm những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy, trao đổi với sinh viên; xây dựng các rubric đánh giá, công bố công khai, giúp người học tự đánh giá trong quá trình học tập.

5. Hướng dẫn và triển khai việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra; quy định rõ hơn về thời gian, khối lượng những yêu cầu bài tập, kiểm tra thường xuyên; xác định rõ các hình thức thi cuối kỳ, giữa kỳ trong đề cương học phần, đảm bảo sự thống nhất khi thực hiện giảng dạy ở các lớp học phần; tập huấn, hướng dẫn việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, phân tích kết quả thi chi tiết cho từng đề thi, câu hỏi thi để điều chỉnh, cải tiến liên tục; xem xét tổ chức chấm hậu kiểm ngẫu nhiên các bài thi qua mỗi đợt thi, mỗi học kỳ; tăng cường quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định về phản hồi kết quả đánh giá cho người học; khảo sát, đánh giá lấy ý kiến của người học về thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại về kết quả học tập.

6. Rà soát chính sách phát triển, chính sách thu hút, đãi ngộ, giảng viên, nghiên cứu viên để thu hút được giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh khoa học và có trình độ tiến sĩ; tuyển dụng sinh viên xuất sắc làm trợ giảng, tạo nguồn cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa; điều chỉnh quy định về khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên tạo động lực cho nghiên cứu khoa học, xác định khối lượng phục vụ cộng đồng tối thiểu cho từng chức danh, học vị tương tự như giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; rà soát, điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng để có thể tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm trợ giảng, cử đi đào tạo ở nước ngoài, trở về làm giảng viên, nghiên cứu viên cho Khoa; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên làm cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về nội dung, chất lượng, thời gian của các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tổ



chức đánh giá hiệu quả nâng cao; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thiết kế, phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ/tỉnh.

7. Tăng cường số lượng và chất lượng các khảo sát về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; sử dụng kết quả khảo sát để phân tích dự báo, tuyển dụng, đánh giá năng lực, thi đua - khen thưởng, đào tạo bồi dưỡng; có chính sách và hình thức truyền thông tốt hơn nữa để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; rà soát, bổ sung các tiêu chí định lượng để đo lường chính xác, công bằng hơn năng lực của từng vị trí nhân viên; phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng đội ngũ nhân viên; định kỳ khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh, các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông của các tỉnh ngoài tỉnh Khánh Hoà; thường xuyên tổ chức thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyển sinh; xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học riêng cho ngành Kỹ thuật điện nhằm phát huy được thế mạnh của ngành; triển khai rà soát, chỉnh sửa, bổ sung sớm các văn bản được ban hành đã lâu, chưa được Nhà trường thực hiện chỉnh sửa, bổ sung; tăng cường ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin cho cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học để kịp thời có giải pháp giúp người học cải thiện kết quả học tập; xây dựng kế hoạch cải tiến công tác cố vấn học tập cụ thể sau mỗi Hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập nhằm nâng cao hiệu quả cho hoạt động tư vấn học tập, ngoại khoá, thi đua; tổ chức hội nghị/hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả các hoạt động tư vấn việc làm cho người học; ký kết các hợp đồng dịch vụ tập trung để thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát; có giải pháp/cơ chế nâng cao hiệu quả xử lý theo kết luận kiểm tra, thanh tra.

9. Rà soát, nâng cấp trang thiết bị tại một số giảng đường; rà soát giáo trình và tài liệu tham khảo trong đề cương học phần để có kế hoạch viết, mua bổ sung, cập nhật nguồn học liệu đảm bảo theo hướng dẫn tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định biên soạn, lựa chọn thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học; thường xuyên khảo sát bạn đọc về sự hài lòng các nội dung của thư viện để đưa ra giải pháp tăng cường vai trò và công năng của thư viện cho những hoạt động hỗ trợ người học; rà soát, đánh giá các thiết bị thực hành, thí nghiệm cho ngành đào tạo Kỹ thuật điện và có lộ trình đầu tư các thiết bị công nghệ cao và phòng thực hành chuyên dụng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng với sứ mạng và tầm nhìn đã đặt ra; rà soát hệ thống công nghệ thông tin, có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa và cải thiện tốc độ đường truyền internet; rà soát, điều chỉnh bộ câu hỏi lấy ý kiến của người học và các bên liên quan về các nội dung một cách cụ thể đảm bảo xác định được vấn đề cần cải tiến; có kế hoạch cải tạo một số lối đi vào giảng đường, nhà làm việc cũ đảm bảo với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.



10. Khi xây dựng/rà soát CTĐT, cần lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài Trường; sớm ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng thường xuyên hơn làm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; rà soát, cải tiến phiếu đánh giá giảng dạy cho phù hợp hơn; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường như Thư viện, công nghệ thông tin, Trạm y tế...; ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động của các tổ đảm bảo chất lượng bên trong của các khoa/viện để nâng cao chất lượng thực hiện hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; trên cơ sở đó xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên giảm tỷ lệ ngừng học, thôi học có thể ảnh hưởng đến thời gian tốt nghiệp đúng quy định của CTĐT để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; thực hiện hoạt động đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học cùng CTĐT của cơ sở giáo dục với các trường đại học trong nước để tham khảo cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp tăng cường số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của người học, góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT; hằng năm tổ chức đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật điện, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.